

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1180/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Thạnh;**

2. Bà **Trần Thị Kim Anh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sần Dịp P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 89/14, đường S, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 48, đường M, khu phố K, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13/01/2020 và bản tự khai ngày 15/01/2020, nguyên đơn bà Sần Dịp P trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2002, kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn E, huyện S, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 23/3/2009; vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T đam mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt và

thường xuyên cãi nhau; vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P khai quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung tên Trương Hiếu K, sinh ngày 22/9/2003; bà P yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn T không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án riêng các phần khác Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Sần Dịp P có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trương Văn T. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Sần Dịp P có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sần Dịp P và ông Trương Văn T chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn E, huyện S, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 23/3/2009 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp;

Quá trình chung sống, bà P khai quá trình chung sống đến năm 2009 thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân xuất phát từ việc ông T ham mê cờ bạc, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc gia đình, giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau; tình cảm dần phai nhạt nên đã ly thân kể từ năm 2018.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông T, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà P khai quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung tên Trương Hiếu K, sinh ngày 22/9/2003;

Xét, bà P có yêu cầu được nuôi con chung, cháu K hiện đang ở cùng với bà P do đó cần chấp nhận cho bà P được trực tiếp nuôi dạy con chung nhằm duy trì ổn định, tránh làm xáo trộn đời sống của cháu K.

Về cấp dưỡng: Do bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Bà Sần Dịp P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sần Dịp P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sần Dịp P được ly hôn với ông Trương Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 23/3/2009 do Ủy ban nhân dân Thị trấn E, huyện S, tỉnh G cấp không còn giá trị.

Về con chung: Bà P được nuôi con chung là Trương Hiếu K, sinh ngày 22/9/2003; ông T không phải cấp dưỡng để bà P nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có.

2. Về án phí: Bà Sần Dịp P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0064951 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái